TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/DS-ST
Ngày: 05/02/2018
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lân** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2016 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bạch T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: C7/6 ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bạch T: Ông **Trần Trung K**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: B10/191 ấp 2, xã N, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Bích Q**, sinh năm: 1955.

2/ Bà **Trần Thị Diễm T**, sinh năm: 1980.

Cùng cư trú: D3/10B1 ấp 4, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Đức T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: C7/6 ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Tcó mặt tại phiên tòa; ông K, ông Q, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Vào khoảng năm 2015, do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Do có nhu cầu cần vốn làm ăn nên bà có yêu cầu bà T, ông Q trả lại số tiền trên nhưng ông Q và bà T vẫn không thanh toán cho bà. Sau đó đến ngày 15/6/2015, hai bên mới lập giấy xác nhận nợ và hứa trả nợ với nội dung bà T, ông Q ký xác nhận có nợ bà Tsố tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng), bà T và ông Q hẹn 06 tháng sẽ trả số nợ trên cho bà Tuyết. Trong giấy xác nhận nợ hai bên cũng không ghi thỏa thuận lãi suất. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông Q trả số tiền trên nhưng bà T và ông Q cố tình né tránh, không hợp tác. Do đó, bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Q và bà T trả lại cho bà số tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Vào ngày 28/9/2016, bà T và ông Q có trả cho bà được 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng). Số tiền mà bà cho bà T và ông Q vay là số tiền riêng của bà, chồng bà (ông Lê Đức T) không liên quan đến.

Nay tại phiên tòa, bà yêu cầu bà T và ông Q cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 224.000.000 đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 28/7/2016, bị đơn bà Trần Thị Diễm T trình bày: Vào năm 2011, bà có làm ăn với bà Nguyễn Thị Bạch T, hai bên nhiều lần vay mượn tiền và trả góp theo từng ngày. Tính đến thời điểm hiện tại, bà còn nợ bà Tgốc và lãi với số tiền là 199.500.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Nay bà Tyêu cầu bà và chồng bà (ông Nguyễn Bích Q) trả số tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng) thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Tsố tiền

199.500.000 đ (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả số tiền trên trong thời hạn 01 năm.

Theo bản tự khai ngày 28/7/2016, bị đơn ông Nguyễn Bích Q trình bày: Ông được biết trước đây vợ ông (bà Trần Thị Diễm T) có mượn tiền của bà Nguyễn Thị Bạch T để làm ăn kinh doanh nhưng ông không rõ là mượn số tiền bao nhiêu. Đến ngày 15/6/2015, bà Tcho người đến nhà ông và ép vợ chồng ông ký vào giấy mượn tiền với số tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và hứa trả số nợ trên trong thời hạn 6 tháng. Thực chất, ông không có mượn tiền của bà Tuyết, bà Tkhông có đưa ông bất cứ số tiền nào. Việc vợ ông (bà T) thiếu tiền của bà Tbao nhiêu thì ông không biết, ông không rõ. Nay bà Tyêu cầu vợ chồng ông trả số tiền trên thì ông không đồng ý. Vợ tôi (bà T) có thiếu tiền của bà Tbao nhiêu thì vợ ông tự chịu trách nhiệm một mình trả nợ cho bà Tuyết, ông không liên quan đến việc vay mượn giữa hai bên. Vì sức khỏe kém nên ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức T trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Bạch T, số tiền bà Tcho ông Q và bà T vay là số tiền riêng của bà Tuyết, không phải tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với ông Nguyễn Bích Q, bà Trần Thị Diễm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Bạch T khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị Diễm T và ông Nguyễn Bích Q. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Diễm T và ông Nguyễn Bích Q cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo luật định, nhưng bị đơn bà Trần Thị Diễm T vẫn không đến tham gia các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Bạch T với bà Trần Thị Diễm T và ông Nguyễn Bích Q. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Diễm T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Bích Q và ông Lê Đức T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và ông Trọng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bạch T: Vào khoảng năm 2015, do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Do có nhu cầu cần vốn làm ăn nên bà có yêu cầu bà T, ông Q trả lại số tiền trên nhưng ông Q và bà T vẫn không thanh toán cho bà. Sau đó đến ngày 15/6/2015, hai bên mới lập giấy xác nhận nợ và hứa trả nợ với nội dung bà T, ông Q ký xác nhận có nợ bà Tsố tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng), bà T và ông Q hẹn 06 tháng sẽ trả số nợ trên cho bà Tuyết. Trong giấy xác nhận nợ hai bên cũng không ghi thỏa thuận lãi suất. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông Q trả số tiền trên nhưng bà T và ông Q cố tình né tránh, không hợp tác. Sau khi bà Tnộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì vào ngày 28/9/2016 ông Q, bà T có trả được cho bà Tsố tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng), số tiền này được trừ vào nợ gốc và nợ gốc còn lại là 224.000.000 đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

[4] Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T cùng có trách nhiệm trả cho bà Tsố tiền 224.000.000 đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Bích Q không đồng ý trả số tiền nợ trên cho bà Tuyết, ông Q trình bày là ông có biết vợ ông (bà T) có vay của bà Tnhiều lần tiền nhưng ông không biết rõ là bao nhiêu, ông cũng không nhận bất cứ số tiền nào từ bà Tuyết. Tuy nhiên, giấy xác nhận nợ ngày 15/6/2015, ông Q có ký vào với tư cách là người vay tiền. Ông Q cho rằng ông bị ép buộc ký vào giấy vay tiền nhưng ông lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, ông Q không đồng ý cùng có trách nhiệm với vợ ông (bà T) trả số tiền trên cho bà Tuyết, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

Bà Trần Thị Diễm T không đồng ý trả bà Tsố tiền nợ trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở, bởi lẽ bà T cho rằng bà nợ của bà Tsố tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm hiện tại là 199.500.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng bà T lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Vì vậy bà Trần Thị Diễm T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 15/6/2015 ký giữa bên vay ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T với bên cho vay là bà Nguyễn Thị Bạch T với nội dung ông Q và bà T có nợ của bà Tsố tiền 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và hẹn 06 tháng sẽ trả số tiền trên. Sau đó ông Q và bà T có trả được 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng), số tiền này được trừ vào số tiền nợ 264.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Như vậy, số tiền ông Q và bà T còn nợ của bà Tsố tiền 224.000.000 đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

[6] Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi*

đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".*

[8] Đối chiếu quy định như trên thì bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 224.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền nợ vay là 224.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T cùng trách nhiệm trả số tiền nợ vay cho bà Tuyết; chồng bà T(ông Lê Đức T) xác nhận số tiền mà bà Tcho vợ chồng ông Q và bà T vay là tài sản riêng của bà Tuyết. Do đó, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Q và bà T cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ vay cho cá nhân bà Tuyết.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người phải thi hành án phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Cụ thể ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q (62 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét miễn

nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Bích Q; bà Trần Thị Diễm T chịu 5.600.000 đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000 (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020238 ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T.

Buộc ông Nguyễn Bích Q và bà Trần Thị Diễm T cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền gốc là 224.000.000 đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Bạch T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Bích Q, bà Trần Thị Diễm T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bích Q được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Diễm T chịu 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000 (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020238 ngày

28 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định